

Số: 855/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 07 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Hải quan trên địa bàn tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 137/TTr-SNNMT ngày 05/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Hải quan trên địa bàn tỉnh Cà Mau (kèm theo Danh mục).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính được nêu tại khoản 1 Điều này (kèm theo Quy trình).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (*Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh*) và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công khai Danh mục thủ tục hành chính và Quy trình được nêu tại Điều 1 Quyết định này tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP (CDVCQG);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng NC (Ph, TC_{04/5});
- Lưu: VT, M.A214/5.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN,
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ, CƠ QUAN HẢI QUAN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Quyết định số: 855/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

*** CÁCH THỨC THỰC HIỆN**

- **Cấp tỉnh:** Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích, nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau, địa chỉ website <http://dichvucong.camau.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).

- **Cấp huyện:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện; hoặc nộp qua Dịch vụ bưu chính công ích, nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau địa chỉ website <https://dichvucong.camau.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).

- **Cấp xã:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã; hoặc nộp qua Dịch vụ bưu chính công ích, nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau địa chỉ website <https://dichvucong.camau.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).

- **Thời gian tiếp nhận:** Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, HUYỆN

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	1.000047.000.00.00.H12	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Trong thời hạn 07 ngày (<i>cắt giảm 03/10 ngày, tỷ lệ 30%</i>), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện; Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện và quyết định: Hạt kiểm lâm cấp huyện; Chi cục Kiểm lâm.	Không	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.000047” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
2	1.000045.000.00.00.H12	Xác nhận bảng kê lâm sản	- Trường hợp 1: Không phải xác minh: 1,5 ngày làm việc (<i>cắt giảm 0,5/02 ngày làm việc, tỷ lệ 20%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2: Phải xác minh: 03 ngày làm việc (<i>cắt giảm 01/04</i>	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện; Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện và quyết định: Hạt kiểm lâm cấp huyện; Chi cục Kiểm lâm.	Không	Thông tư ngày 26/2022/TT-BNNPTNT Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			ngày làm việc, tỷ lệ 25%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 3: Xác minh có nhiều nội dung phức tạp: 06 ngày làm việc (<i>cắt giảm 02/08 ngày làm việc, tỷ lệ 25%</i>), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				hồ sơ “1.000045” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	1.012921.000.00.00.H12	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Trong thời hạn 21 ngày (<i>cắt giảm 09/30 ngày, tỷ lệ 30%</i>), kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh	Không	Nghị định 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012921” trên Cổng Dịch

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							vụ công quốc gia
2	1.012687.000.00.00.H12	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Trong thời hạn 38,5 ngày (<i>cắt giảm 16,5/55 ngày, tỷ lệ 30%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	Nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012687” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
3	1.011470.000.00.00.H12	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	Trong thời hạn 07 ngày (<i>cắt giảm 03/10 ngày, tỷ lệ 30%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Chi cục Kiểm lâm. - Cơ quan quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.011470” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							vụ công quốc gia
4	3.000198.000.00.00.H12	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Trong thời hạn 12 ngày làm việc (<i>cắt giảm 06/18 ngày, tỷ lệ 33,33%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện và quyết định: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/lô giống; - Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/vườn giống - Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ (cây trội), cây đầu dòng: 450.000 đồng. - Bình tuyển, công nhận	Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “3.000198” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					rừng giống: 2.400.000 đồng. - Phí bình tuyển, công nhận vườn giống cây lâm nghiệp: 2.400.000 đồng.		
5	1.007918.000.00.00.H12	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	Trong thời hạn 10,5 ngày làm việc (<i>cắt giảm 4,5/15 ngày làm việc, tỷ lệ 30%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện và quyết định: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.007918” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
6	1.007917.	Phê duyệt phương	- Trường hợp 1:	- Địa điểm tiếp nhận và	Không	Thông tư số	Các bộ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	000.00.00. H12	án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	Không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa: Trong thời hạn 21 ngày (<i>cắt giảm 09/30 ngày, tỷ lệ 30%</i>), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2: Phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa: Trong thời hạn 31,5 ngày (<i>cắt giảm 13,5/45 ngày, tỷ lệ 30%</i>), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.		24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024	phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.007917” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
7	1.007916. 000.00.00. H12	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	- Trường hợp 1: Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đất để trồng rừng: Trong thời hạn 17,5 ngày (<i>cắt giảm 4,5/22 ngày, tỷ lệ 20,45%</i>), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2: Ủy	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan quyết định:	Không	Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			ban nhân dân tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng: + Đối với chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng: 57 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Đối với chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng: 37 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng: 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Ủy ban nhân dân tỉnh.			“1.007916” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
8	1.000084.000.00.00.H12	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Trong thời hạn 31,5 ngày (<i>cắt giảm 13,5/45 ngày, tỷ lệ 30%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan quyết định:	Không	Nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.			“1.000084” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
9	1.000081.000.00.00.H12	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	Trong thời hạn 31,5 ngày (<i>cắt giảm 13,5/45 ngày, tỷ lệ 30%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	Nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.000081” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
10	1.000071.000.00.00.H12	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Trong thời hạn 28 ngày làm việc (<i>cắt giảm 12/40 ngày làm việc, tỷ lệ 30%</i>), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện và quyết định: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							“1.000071” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
11	1.000058.000.00.00.H12	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Trong thời hạn 10,5 ngày làm việc (<i>cắt giảm 4,5/15 ngày làm việc, tỷ lệ 30%</i>), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.000058” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
12	1.000055.000.00.00.H12	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Trong thời hạn 19 ngày (<i>cắt giảm 09/28 ngày, tỷ lệ 32%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan quyết định:	Không	Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Ủy ban nhân dân tỉnh.			“1.000055” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
13	1.012692.000.00.00.H12	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: 48 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012692” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
14	1.012691.000.00.00.H12	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	Trong thời hạn 14 ngày (<i>cắt giảm 06/20 ngày, tỷ lệ 30%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.			được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012691” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
15	1.012688.000.00.00.H12	Quyết định giao rừng cho tổ chức	Trong thời hạn 31,5 ngày (<i>cắt giảm 13,5/45 ngày, tỷ lệ 30%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012688” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
16	1.012689.000.00.00.H12	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích	Trong thời hạn 14 ngày (<i>cắt giảm 06/20 ngày, tỷ lệ 30%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		khác đối với tổ chức	hợp lệ	- Cơ quan thực hiện: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.			của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012689” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
17	1.012690.000.00.00.H12	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	Trong thời hạn 12 ngày (<i>cắt giảm 03/15 ngày, tỷ lệ 20%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012690” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
18	1.012413.000.00.00.H12	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng	- Trường hợp 1: Diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết	Không	Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024	Các bộ phận tạo

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		dụng rừng	quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 9,5 ngày làm việc (<i>cắt giảm 2,5/12 ngày làm việc, tỷ lệ 20,83%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2: Diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành chủ quản: Trong thời hạn 16 ngày làm việc (<i>cắt giảm 04/20 ngày làm việc, tỷ lệ 20%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.			thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012413” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
19	3.000160.000.00.00.H12	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	- Trường hợp 1: Không kiểm tra, xác minh: 3,5 ngày làm việc (<i>cắt giảm 1,5/05 ngày làm việc, tỷ lệ 30%</i>), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2:	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện và quyết định: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi	Không	Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Phải đi kiểm tra, xác minh: 09 làm việc (<i>cắt giảm 04/13 ngày làm việc, tỷ lệ 30,7%</i>), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	trường.			mã hồ sơ “3.000160” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
20	3.000159.000.00.00.H12	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	- Trường hợp 1: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp 2: Cơ quan kiểm lâm sở tại quyết định tăng thời hạn kiểm tra (khi có thông tin vi phạm): 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện và quyết định: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “3.000159” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
21	3.000152.000.00.00.H12	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			hợp lệ. - Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: 48 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân tỉnh.			hợp theo mã hồ sơ “3.000152” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
22	1.004815.000.00.00.H12	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	- Trường hợp 1: Không kiểm tra thực tế: Trong thời gian 03 ngày làm việc (<i>cắt giảm 02/05 ngày làm việc, tỷ lệ 60%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2: Trường hợp cần kiểm tra thực tế: Trong thời hạn 21 ngày (<i>cắt giảm 09/30 ngày, tỷ lệ 30%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện và quyết định: Chi cục Kiểm lâm; Chi cục Thủy sản và Chăn nuôi thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP - Nghị định số 84/2021/NĐ-CP	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.004815” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	1.012922.000.00.00.H12	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Trong thời hạn 3,5 ngày (<i>cắt giảm 1,5/05 ngày, tỷ lệ 30%</i>), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. - Cơ quan thực hiện và quyết định: Hạt Kiểm lâm	Không	Nghị định 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012922” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
2	1.012531.000.00.00.H12	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Trong thời hạn 16 ngày (<i>cắt giảm 04/20 ngày, tỷ lệ 20%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh	Không	Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012531” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	3.000250.000.00.00.H12	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Trong thời hạn 16 ngày (<i>cắt giảm 06/22 ngày, tỷ lệ 27%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Không	Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “3.000250” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
4	1.011471.000.00.00.H12	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trong thời hạn 07 ngày (<i>cắt giảm 03/10 ngày, tỷ lệ 30%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Hạt Kiểm lâm cấp huyện. - Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Không	Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.011471” trên Cổng Dịch vụ công

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							quốc gia
5	1.007919.000.00.00.H12	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư	Trong thời hạn 10,5 ngày (<i>cắt giảm 4,5/15 ngày, tỷ lệ 30%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. - Cơ quan, đơn vị thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Phòng chức năng cấp huyện hoặc cơ quan Kiểm lâm cấp huyện.	Không	Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.007919” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
6	1.012695.000.00.00.H12	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	Trong thời hạn 14 ngày (<i>cắt giảm 06/20 ngày, tỷ lệ 30%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. - Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Môi trường; Hạt Kiểm lâm. - Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012695” trên Cổng Dịch vụ công

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							quốc gia
7	1.012694.000.00.00.H12	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Trong thời hạn 14 ngày (<i>cắt giảm 06/20 ngày, tỷ lệ 30%</i>) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. - Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Môi trường; Hạt Kiểm lâm. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012694” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
8	3.000154.000.00.00.H12	Thủ tục hải quan đối với gỗ nhập khẩu	Quy định thời hạn thực hiện giải quyết thủ tục hành chính này tại cơ quan Hải quan được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới/thủ tục hành chính thay thế/thủ tục hành	Chi cục Hải quan	20.000 đồng/tờ khai	Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “3.000154” trên

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			chính bãi bỏ/thủ tục hành chính giữ nguyên trong lĩnh vực Hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính và được nhập, công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (Mã số TTHC 3.000154).				Cổng Dịch vụ công quốc gia

IV. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	1.012693.000.00.00.H12	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư	Trong thời hạn 35 ngày (<i>cắt giảm 15/50 ngày, tỷ lệ 30%</i>) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.012693” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

Ghi chú: Danh mục thủ tục hành chính được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại thứ tự số 23 mục V và thứ tự số 33, 35 mục VI phần A của Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 15/12/2023; thứ tự số 3 phần A và thứ tự số 1 phần B của Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 11/01/2024; thứ tự số 7, 8, 9, 11 phần A và thứ tự số 21 phần B của của Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 27/6/2024; Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 09/01/2024, Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 14/3/2024, Quyết định 2184/QĐ-UBND ngày 05/11/2024, Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 05/11/2024, Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 30/7/2024, Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 01/7/2024, Quyết định số 2663/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Tổng số Danh mục có 33 TTHC (Trong đó: 02 TTHC cấp tỉnh, cấp huyện; 22 TTHC cấp tỉnh; 08 TTHC cấp huyện, 01 TTHC cấp xã)/.

QUY TRÌNH
NỘI BỘ, LIÊN THÔNG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP
XÃ, CƠ QUAN HẢI QUAN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Quyết định số: 855/QĐ-UBND ngày 07/5/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN

1. Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên (Mã số TTHC: 1.000047.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày (*cắt giảm 03/10 ngày, tỷ lệ 30%*), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Kiểm lâm*) hoặc Hạt Kiểm lâm nếu hồ sơ cấp huyện để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm hoặc Hạt kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm hoặc lãnh đạo Hạt kiểm lâm ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 6,5 ngày (*trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày.

2. Xác nhận bảng kê lâm sản (Mã số TTHC: 1.000045.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết:

- **Trường hợp 1:** Không phải xác minh: 1,5 ngày làm việc (*cắt giảm 0,5/02 ngày làm việc, tỷ lệ 20%*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Trường hợp 2:** Phải xác minh: 03 ngày làm việc (*cắt giảm 01/04 ngày làm việc, tỷ lệ 25%*), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Trường hợp 3:** Xác minh có nhiều nội dung phức tạp: 06 ngày làm việc (*cắt giảm 02/08 ngày làm việc, tỷ lệ 25%*), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Kiểm lâm*) hoặc Hạt Kiểm lâm nếu hồ sơ cấp huyện để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm hoặc Hạt kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm hoặc lãnh đạo Hạt kiểm lâm ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: **Trường hợp 1:** 01 ngày làm việc; **Trường hợp 2:** 2,5 ngày làm việc; **Trường hợp 3:** 5,5 ngày làm việc (*trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương (Mã số TTHC: 1.012921.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 21 ngày (*cắt giảm 09/30 ngày, tỷ lệ 30%*), kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trong đó:

- Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: 16 ngày.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm duyệt, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 15,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 4,75 ngày (*trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày.

2. Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý (Mã số TTHC: 1.012687.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 38,5 ngày (*cắt giảm 16,5/55 ngày, tỷ lệ 30%*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: 32 ngày.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 6,5 ngày.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm duyệt, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 31,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 6,25 ngày (*trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày.

3. Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng (Mã số TTHC: 1.011470.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày (*cắt giảm 03/10 ngày, tỷ lệ 30%*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm duyệt, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt kết quả giải quyết theo quy định: 6,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày.

4. Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Mã số TTHC: 3.000198.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 12 ngày làm việc (*cắt giảm 06/18 ngày, tỷ lệ 33,3%*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm ký duyệt kết quả giải quyết theo quy định: 11,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

*** Nhóm 02 thủ tục:**

5. Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư (Mã số TTHC: 1.007918.000.00.00.H12).

6. Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh) (Mã số TTHC: 1.000058.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 10,5 ngày làm việc (*cắt giảm 4,5/15 ngày làm việc, tỷ lệ 30%*), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: 6,5 ngày làm việc.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 04 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm duyệt, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 06 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 3,75 ngày làm việc (*trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

7. Phê duyệt phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế (Mã số TTHC: 1.007917.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết:

- **Trường hợp 1:** Không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa: Trong thời hạn 21 ngày (*cắt giảm 09/30 ngày, tỷ lệ 30%*), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

+ Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: 16 ngày.

+ Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày.

- **Trường hợp 2:** Phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa: Trong thời hạn 31,5 ngày (*cắt giảm 13,5/45 ngày, tỷ lệ 30%*), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

+ Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: 26,5 ngày.

+ Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các

trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm duyệt, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: Trường hợp 1: 15,5 ngày; Trường hợp 2: 26 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày.

****Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh***

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 4,75 ngày (*trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày.

8. Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế (Mã số TTHC: 1.007916.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết:

- **Trường hợp 1:** Đối với trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đất để trồng rừng 17,5 ngày (cắt giảm 4,5/22 ngày, tỷ lệ 20,45%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

+ Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: 11,5 ngày.

+ Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 06 ngày.

- **Trường hợp 2:** Đối với trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng:

+ **Trường hợp 2.1.** Đối với chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng: Trong thời hạn 57 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

* Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: 07 ngày.

* Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 17 ngày.

* Tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường: 08 ngày.

* Chủ dự án phải nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh: 10 ngày.

* Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh chuyển số tiền chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam: 05 ngày.

* Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam điều chuyển tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh: 10 ngày.

+ **Trường hợp 2.2.** Đối với chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng: Trong thời hạn 37 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

* Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh 12 ngày.

* Chủ dự án phải nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh: 20 ngày.

* Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh chuyển số tiền chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam: 05 ngày.

+ **Trường hợp 2.3.** Đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng: 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

* Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh 12 ngày.

* Chủ dự án phải nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh: 10 ngày.

* Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh chuyển số tiền chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam: 20 ngày.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm duyệt, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: **Trường hợp 1:** 11 ngày; **Trường hợp 2:** 6,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định (Đối với trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đất để trồng rừng): 5,75 ngày (*trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*) hoặc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký duyệt hồ sơ gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định, sau khi có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thì Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định (Đối với trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng): **Trường hợp 2.1:** 16,75 ngày; **Trường hợp 2.2, 2.3:** 11,75 ngày.

- Bước 2: Văn thư ghi sổ, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày.

*** Quy trình giải quyết tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường:** Cho ý kiến gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh: 08 ngày

*** Quy trình giải quyết tại Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh:** Khi có kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì Chủ dự án phải nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh: **Trường hợp 2.1, 2.3:** 10 ngày; **Trường hợp 2.2:** 20 ngày.

*** Quy trình giải quyết tại Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam:** Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh chuyển số tiền chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam: **Trường hợp 2.1, 2.2:** 05 ngày; **Trường hợp 2.3:** 20 ngày.

*** Nhóm 03 thủ tục**

9. Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý (Mã số TTHC: 1.000084.000.00.00.H12).

10. Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý (Mã số TTHC: 1.000081.000.00.00.H12).

11. Quyết định giao rừng cho tổ chức (Mã số TTHC: 1.012688.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 31,5 ngày (*cắt giảm 13,5/45 ngày, tỷ lệ 30%*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: 26,5 ngày.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm duyệt, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 26 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 4,75 ngày (*trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày.

12. Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.000071.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 28 ngày làm việc (*cắt giảm 12/40 ngày làm việc, tỷ lệ 30%*), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm duyệt, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt kết quả giải quyết theo quy định: 27,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

13. Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức (Mã số TTHC: 1.000055.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 19 ngày (*cắt giảm 09/28 ngày, tỷ lệ 32%*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: 14 ngày.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm duyệt, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 13,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 4,75 ngày (*trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày.

*** Nhóm 02 thủ tục:**

14. Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (Mã số TTHC: 1.012692.000.00.00.H12).

15. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (Mã số TTHC: 3.000152.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết:

- **Trường hợp 1:** Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

+ Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: 25 ngày.

+ Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 10 ngày.

+ Tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh: Thời gian thực hiện theo quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- **Trường hợp 2:** Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: 48 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: 25 ngày.

+ Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 23 ngày.

+ Tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh: Thời gian thực hiện theo quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ*

sơ), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm duyệt, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 24,5 ngày (*trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định: **Trường hợp 1:** 9,75 ngày; **Trường hợp 2:** 22,75 ngày (*bao gồm thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến Bộ, ngành trung ương*).

- Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày.

*** Nhóm 02 thủ tục:**

16. Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng (Mã số TTHC: 1.012691.000.00.00.H12).

17. Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức (Mã số TTHC: 1.012689.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 14 ngày (*cắt giảm 06/20 ngày, tỷ lệ 30%*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: 09 ngày.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file,*

kết quả xử lý), chuyên lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm duyệt, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 8,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 4,75 ngày (*trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày.

18. Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý (Mã số TTHC: 1.012690.000.00.00.H12)

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 12 ngày (*cắt giảm 03/15 ngày, tỷ lệ 20%*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: 08 ngày.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 04 ngày.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyên lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm duyệt, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 7,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 3,75 ngày (*trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày.

19. Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng (Mã số TTHC: 1.012690.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết:

- **Trường hợp 1:** Diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 9,5 ngày làm việc (*cắt giảm 2,5/12 ngày làm việc, tỷ lệ 20,83%*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

+ Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: 5,5 ngày làm việc.

+ Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 04 ngày làm việc.

- **Trường hợp 2:** Diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành chủ quản: Trong thời hạn 16 ngày làm việc (*cắt giảm 04/20 ngày làm việc, tỷ lệ 20%*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

+ Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: 04 ngày làm việc.

+ Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 07 ngày làm việc.

+ Tại các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành chủ quản: 05 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm duyệt, trình lãnh đạo Sở Nông

nghiệp và Môi trường ký, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định:
Trường hợp 1: 05 ngày làm việc; **Trường hợp 2:** 3,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: **Trường hợp 1:** 3,75 ngày làm việc (nếu từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do); **Trường hợp 2:** 6,75 ngày làm việc (bao gồm thời gian lấy ý kiến bộ, ngành chủ quản).

- Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày.

*** Quy trình giải quyết tại các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành chủ quản:** 05 ngày làm việc

20. Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ (Mã số TTHC: 3.000160.000.00.00.H12)

a) Thời gian giải quyết:

- **Trường hợp 1:** Không kiểm tra, xác minh: 3,5 ngày làm việc (cắt giảm 1,5/05 ngày làm việc, tỷ lệ 30%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Trường hợp 2:** Phải đi kiểm tra, xác minh: 09 làm việc (cắt giảm 04/13 ngày làm việc, tỷ lệ 30,7%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý), trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm ký duyệt kết quả giải quyết theo quy định: **Trường hợp 1:** 03 ngày làm việc; **Trường hợp 2:** 8,5 ngày làm việc (nếu từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

21. Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu (Mã số TTHC: 3.000159.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết:

- **Trường hợp 1:** 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
- **Trường hợp 2:** Cơ quan kiểm lâm sở tại quyết định tăng thời hạn kiểm tra (khi có thông tin vi phạm): 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm ký duyệt kết quả giải quyết theo quy định: **Trường hợp 1:** 3,5 ngày làm việc; **Trường hợp 2:** 5,5 ngày làm việc (*nếu từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

22. Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES (Mã số TTHC: 1.004815.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết:

- **Trường hợp 1:** Không kiểm tra thực tế: Trong thời gian 03 ngày làm việc (*cắt giảm 02/05 ngày làm việc, tỷ lệ 60%*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Trường hợp 2:** Trường hợp cần kiểm tra thực tế: Trong thời hạn 21 ngày (*cắt giảm 09/30 ngày, tỷ lệ 30%*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Kiểm lâm*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm ký duyệt kết quả giải quyết theo quy định: **Trường hợp 1:** 2,5 ngày làm việc; **Trường hợp 2:** 20,5 ngày (*nếu từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng (Mã số TTHC: 1.012922.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 3,5 ngày (*cắt giảm 1,5/05 ngày, tỷ lệ 30%*), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Hạt kiểm lâm để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày.

- Bước 2: Chuyên viên Hạt Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu hồ sơ có yêu cầu; kiểm tra file scan*), thẩm định, hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), trình lãnh đạo Hạt Kiểm lâm ký, phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 03 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày.

2. Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân (Mã số TTHC: 1.012531.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 16 ngày (*cắt giảm 04/20 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 20%*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện 10 ngày.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh 06 ngày.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về chuyên hồ sơ về Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày.

- Bước 2: Chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra kết quả thẩm định hồ sơ duyệt, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 9,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân huyện, hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 5,75 ngày (trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

- Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày.

3. Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái (Mã số TTHC: 3.000250.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 16 ngày (*cắt giảm 06/22 ngày, tỷ lệ 27%*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Phòng Nông nghiệp và Môi trường: 11 ngày.
- Tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện 05 ngày.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Phòng Nông nghiệp và Môi trường**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Phòng Nông nghiệp và Môi trường để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu hồ sơ có yêu cầu; kiểm tra file scan*), thẩm định, hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường ký, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định: 10,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện**

- Bước 1: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Phòng Nông nghiệp và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 4,75 ngày (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày.

4. Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện (Mã số TTHC: 1.011471.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày (*cắt giảm 03/10 ngày, tỷ lệ 30%*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Phòng Nông nghiệp và Môi trường: 04 ngày.

- Tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện 03 ngày.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Phòng Nông nghiệp và Môi trường**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Phòng Nông nghiệp và Môi trường để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu hồ sơ có yêu cầu; kiểm tra file scan*), thẩm định, hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường ký, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định: 3,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện**

- Bước 1: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Phòng Nông nghiệp và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 2,75 ngày (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày.

5. Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư (Mã số TTHC: 1.007919.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 10,5 ngày (*cắt giảm 4,5/15 ngày, tỷ lệ 30%*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc

gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Phòng Nông nghiệp và Môi trường để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu hồ sơ có yêu cầu; kiểm tra file scan*), thẩm định, hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), trình lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường ký, phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 10 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày.

*** Nhóm 02 thủ tục:**

6. Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng (Mã số TTHC: 1.012695.000.00.00.H12).

7. Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân (Mã số TTHC: 1.012694.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 14 ngày (*cắt giảm 06/20 ngày, tỷ lệ cắt giảm 30%*), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Phòng Nông nghiệp và Môi trường: 10 ngày.
- Tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện 04 ngày.

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Phòng Nông nghiệp và Môi trường**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Phòng Nông nghiệp và Môi trường để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày.

- Bước 2: Chuyên viên Phòng Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu hồ sơ có yêu cầu; kiểm tra file scan*), thẩm định, hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường ký, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định: 9,5 ngày.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện**

- Bước 1: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Phòng Nông nghiệp và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 3,75 ngày làm việc (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

8. Thủ tục hải quan đối với gỗ nhập khẩu (Mã số TTHC: 3.000154.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết: Quy định thời hạn thực hiện giải quyết thủ tục hành chính này tại cơ quan Hải quan được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới/thủ tục hành chính thay thế/thủ tục hành chính bãi bỏ/thủ tục hành chính giữ nguyên trong lĩnh vực Hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính và được nhập, công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (Mã số TTHC 3.000154).

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Chi cục Hải quan để xử lý hồ sơ: Thời hạn tùy theo từng trường hợp được nhập, công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (Mã số TTHC: 3.000154).

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Hải quan tiếp nhận hồ sơ (chứng thực hồ sơ nếu hồ sơ có yêu cầu; kiểm tra file scan) thẩm định, hoàn thiện hồ sơ (nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý), trình lãnh đạo Chi cục Hải quan ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: Thời hạn tùy theo từng trường hợp được nhập, công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (Mã số TTHC: 3.000154).

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: Thời hạn tùy theo từng trường hợp được nhập, công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (Mã số TTHC 3.000154).

IV. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư (Mã số TTHC: 1.012693.000.00.00.H12).

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 35 ngày (*cắt giảm 15/50 ngày, tỷ lệ 30%*) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Ủy ban nhân dân cấp xã: 05 ngày.
- Tại Hạt Kiểm lâm: 25 ngày.
- Tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện: 05 ngày

b) Quy trình giải quyết:

*** Quy trình giải quyết tại Ủy ban nhân dân cấp xã**

- Bước 1: Công chức trực tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, chuyển hồ sơ về Ủy ban nhân dân cấp xã để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày.

- Bước 2: Công chức phụ trách chuyên môn Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), tổng hợp chuyên đề nghị giao rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư gửi hồ sơ đến Hạt Kiểm lâm: 4,75 ngày.

*** Quy trình giải quyết tại Hạt kiểm lâm.**

- Bước 1: Hạt Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, hoàn thiện hồ sơ (nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý), chuyển lãnh đạo Hạt Kiểm lâm ký, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 16,75 ngày.

- Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày.

- Bước 3: Kể từ ngày nhận được quyết định giao rừng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Hạt Kiểm lâm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức bàn giao rừng tại thực địa cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư: Trong thời gian 08 ngày.

*** Quy trình giải quyết tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện**

- Bước 1: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Hạt Kiểm lâm, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 4,75 ngày (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

- Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, *(đồng gửi cho Hạt Kiểm lâm 1 bộ)* thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả *(đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử)* cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày.

Ghi chú: Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại thứ tự số 23 mục V và thứ tự số 33, 35 mục VI phần A của Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 15/12/2023; thứ tự số 3 phần A và thứ tự số 1 phần B của Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 11/01/2024; thứ tự số 6, 7, 8, 10 phần A và thứ tự số 18 phần B của Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 27/6/2024; Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 09/01/2024, Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 14/3/2024, Quyết định 2184/QĐ-UBND ngày 05/11/2024, Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 05/11/2024, Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 30/7/2024, Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 01/7/2024, Quyết định số 2663/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Lưu ý: Đối với các Quy trình liên thông như trên đơn vị nào nhận hồ sơ đầu vào xuất phiếu hẹn phải đảm bảo tổng thời gian thực hiện hết các Quy trình (từ khi nhận hồ sơ đầu vào đến khi kết thúc các quy trình, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân) và để đảm bảo việc trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo phiếu hẹn, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính liên thông/không liên thông chủ động chuyển, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trước 01 buổi. Đồng thời yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng theo Quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo quy định./.